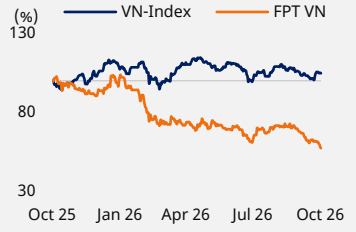
MIRAE ASSET Securities

Equity Research
2 Tháng 11, 2026

(Cập nhật)	**Mua**
Giá mục tiêu (VND)	**76,363**
Giá hiện tại (02/11/26, VND)	50,200
LN kỳ vọng	52.1%

LNTT (26F, tỷ)	12,177
LNTT đồng thuận (26F, tỷ)	12,546
TT EPS (26F, %)	13.2
TT EPS Index (26F, %)	N/A
P/E (26F, x) *	13.4
P/E Index (x)	12.0
VNIndex	1,710
Vốn hóa (tỷ)	94,663
SLCP ĐLH (triệu cp)	1,886
CP tự do chuyển nhượng (%)	89.5
Sở hữu NĐTNN (%)	26.7
Beta (12T)	0.7
Thấp nhất 52T (đồng)	50,100
Cao nhất 52T (đồng)	98,818

(%)	1T	6T	12T
Tuyệt đối	-15.1	-22.0	-44.2
Tương đối	-15.4	-14.9	-50.4



Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

Tôn Đạt Quân
quan.td@miraeasset.com.vn

Công ty CP FPT

CNTT trong nước dẫn dắt 9M26

KQKD Q3/26 & 9T26 - Giữ vững phong độ

- **Q3/26 so với cùng kỳ – CNTT trong nước dẫn dắt:** Doanh thu +12.1% lên 13,754 tỷ đồng, LNTT +15.0% lên 3,056 tỷ đồng và LNST +11.8% lên 2,723 tỷ đồng. CNTT trong nước tăng mạnh 43% lên 2,741 tỷ đồng, CNTT nước ngoài chậm lại còn +8.2%.
- **Xu hướng CK – CNTT trong nước tăng tốc, Nhật Bản và Châu Âu chậm lại:** Trong Q1/Q2/Q3 2026, CNTT trong nước tăng tốc (+14.2%/+29.5%/+43.0%) và Mỹ cải thiện (+3.8%/+7.8%/+8.0%), trong khi Nhật Bản (+18.8%/+24.8%/+8.3%) và Châu Âu (+44.5%/+36.3%/+28.0%) chậm lại, APAC vẫn giảm (−9.8%/−2.0%/−1.6%). Tăng trưởng LNST chậm dần qua từng quý (+14.4%/+13.8%/+11.8%).
- **9T26 so với cùng kỳ – Duy trì tăng trưởng hai chữ số:** Doanh thu +12.4% lên 40,023 tỷ đồng và LNST +13.3% lên 7,778 tỷ đồng. Nhật Bản tăng 25% theo đồng yên nhưng chỉ 17% theo VND do đồng yên mất giá ~6%.

Quan điểm của chúng tôi – Triển vọng hoàn thành dự phóng khả thi

- **Các chỉ tiêu chính so với dự phóng trước – Trái chiều: Vượt:** CNTT trong nước (9T26 +29.8% CK so với +15%) và Mỹ (+6.5% so với +5.8%). **Thấp hơn:** Nhật Bản (+17.2% so với +22%; 3Q26: +8.3%), APAC (−4.6% so với −2%) và Giáo dục (−3.1% so với +5%). Các chỉ báo sớm suy yếu: doanh thu ký mới Q3/26 +3.6% CK, book-to-bill 1.27x (1H26: 1.39x), chỉ 2/16 hợp đồng trên 10 triệu USD của 9T26 ký trong Q3/26.
- **Tác động tới lợi nhuận & định giá – Nhìn chung không đổi:** Chúng tôi điều chỉnh giả định tăng trưởng doanh thu FY26F để phản ánh phù hợp tốc độ 9T26: CNTT trong nước +30% (trước: +15%), Nhật Bản +17.8% (trước: +22%), Mỹ +6.8% (trước: +5.8%), APAC −3% (trước: −2%), Giáo dục +1% (trước: +5%). Dự phóng doanh thu và LNST FY26F điều chỉnh +0.8% và -0.6%, lần lượt thành 57,704 và 10,779 tỷ đồng. Theo đó, Q4/26 dự kiến doanh thu +17.8% CK (Q4/25: +17.3%; Q4/24: +21.0%) và LNST +15.6% (Q4/25: +24.0%; Q4/24: +21.2%), phù hợp tính chu kỳ trong quý 4.
- **Duy trì Mua; hạ giá mục tiêu xuống 76,363 đồng** (từ 81,049 đồng đã điều chỉnh cổ phiếu thưởng; P/E FY26F 13.4x so với trung bình 5 năm 19.8x) do nâng lãi suất chiết khấu thêm 0.58%p, phản ánh một phần rủi ro AI gây áp lực giảm giá dịch vụ CNTT.
- **Rủi ro an ninh mạng – Tiếp tục theo dõi:** Ngày 27/10, nhóm ransomware The Gentlemen (đã có nhiều vụ tấn công được xác nhận) đưa FPT Software lên trang rò rỉ dữ liệu của nhóm; thông tin chưa được xác minh. Chúng tôi chưa có cơ sở định lượng tác động tới lợi nhuận của FPT, nhưng do FPT có nhiều khách hàng thuê ngoài CNTT quốc tế, một vụ xâm nhập dữ liệu khách hàng nếu được xác nhận có thể gây rủi ro về uy tín và thương mại.

FY (Dec. 31)	2024	2025	2026F	2027F	2028F
Doanh thu (tỷ)	62,849	70,208	57,704	66,071	75,981
LNHĐ (tỷ)	10,508	11,079	8,398	9,654	11,138
Biên LNHĐ (%)	16.7	15.8	14.6	14.6	14.7
LNST (tỷ)	7,857	9,464	10,779	12,331	14,156
EPS (đồng)	4,855	5,051	5,716	6,539	7,507
ROE (%)	28.7	28.6	27.3	26.8	26.5
P/E (x)*	15.7	15.1	13.4	11.7	10.2
P/B (x)*	4.1	3.9	3.4	2.9	2.5
Tổng tài sản (tỷ)	72,000	88,090	91,144	100,792	111,350
Tổng VCSH (tỷ)	35,678	43,702	49,764	56,699	64,660

Lưu ý: "LNST" là LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ; 2026F không hợp nhất FPT Telecom
Nguồn: Dữ liệu công ty, Phòng Phân tích CTCK Mirae Asset Việt Nam (*: P/E, P/B FY26F–28F theo giá mục tiêu)

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

Theo dõi các động lực chính

CNTT nước ngoài – Nhật Bản là yếu tố quyết định (Hình 1–2). Doanh thu Nhật Bản giảm 10.1% sv. quý trước xuống 4,270 tỷ đồng trong Q3/26, kéo tăng trưởng tính theo VND về +8.3% CK từ +24.8% trong Q2/26; doanh thu Mỹ, Châu Âu và APAC đều tăng so với quý trước. Chiếm 46% doanh thu CNTT nước ngoài 9T26, Nhật Bản quyết định việc mảng này có đạt dự phóng FY26F +12.2% hay không (9T26: +11.6%; Q4/26 cần +13.8%).

Đơn hàng mới – Đà tăng của 1H26 chững lại trong Q3/26 (Hình 3). Doanh thu ký mới CNTT nước ngoài chỉ tăng 3.6% CK lên 9,799 tỷ đồng trong Q3/26, sau mức +32.3% của 1H26. Book-to-bill đạt 1.27x (9M25: 1.15x), nhưng số hợp đồng trên 10 triệu USD giảm còn 16 (9T25: 19). Do đơn hàng chững lại và Nhật Bản chậm hơn, chúng tôi hạ tăng trưởng doanh thu FY27–28F xuống +14.5% và +15.0%, và cho lợi nhuận từ công ty liên kết tăng theo mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định 13–14% của FPT Telecom.

CNTT trong nước – Tăng nhanh hơn với biên lợi nhuận bằng một nửa CNTT nước ngoài (Hình 4–5). Doanh thu tăng 43.0% CK trong Q3/26 (Q1/26: +14.2%; Q2/26: +29.5%). Biên LNTT 9T26 tăng lên 7.8% (9T25: 4.8%), vẫn chỉ bằng một nửa mức 15.8% của CNTT nước ngoài; tỷ trọng trong LNTT 9T26 tăng lên 6.2% (9M25: 3.5%), còn tỷ trọng của CNTT nước ngoài giảm xuống 51.4% (9T25: 54.3%).

Chất lượng lợi nhuận – công ty liên kết đóng góp chính (Hình 7). LNTT 9T26 tăng 1,274 tỷ đồng CK. Giáo dục, Đầu tư & Khác đóng góp 44%, chủ yếu từ lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, dù doanh thu mảng này giảm 3.1%; CNTT nước ngoài chỉ đóng góp 34% (LNTT +10.7%; biên 15.8% so với 15.9%) và CNTT trong nước 22%.

Dự phóng FY26 kỳ vọng kết quả Q4/26 tăng trưởng mạnh (Hình 8). Để đạt dự phóng FY26F, Q4/26 cần doanh thu 17,681 tỷ đồng (+17.8% CK; 3Q26: +12.1%) và LNST 3,001 tỷ đồng (+15.6%; 3Q26: +11.8%): tương đương Q4/25 về doanh thu (+17.3%), thấp hơn nhiều mức +24.0% về LNST. Cơ sở: Nhật Bản: 5,007 tỷ đồng (+20%; 9T26 đạt 72.5% dự phóng FY26F, so với 72.9% năm 2025); CNTT trong nước: 4,832 tỷ đồng (+30%, tương đương tăng trưởng 9T26); Mỹ: +8%; Châu Âu: +34%; APAC: đi ngang; Giáo dục: +14% (so với −5% trong Q3/26), do chúng tôi kỳ vọng học phí học kỳ mới được thu chủ yếu trong tháng 9–11/2026, cùng với công suất sử dụng cao hơn tại các cơ sở mới ở Huế, Vinh và Long An.

Đồng Yên là biến số lớn nhất cho FY27F. Doanh thu Nhật Bản 9M26 tăng 25.2% CK tính theo JPY nhưng chỉ 17.2% tính theo VND, do đồng yên mất giá ~6%. Mỗi biến động 5% của tỷ giá JPY/VND làm doanh thu Nhật Bản FY27F thay đổi ~1.1 nghìn tỷ đồng và LNTT tập đoàn ~1.2%.

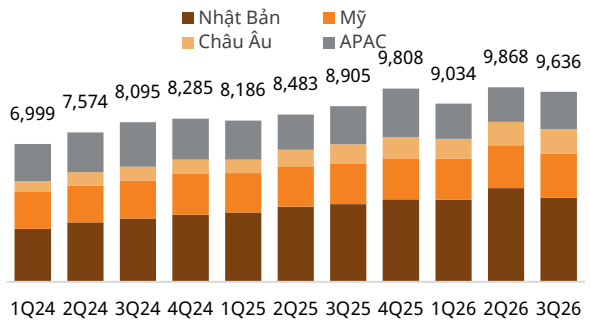
Định giá – ở đáy vùng 5 năm (Hình 6). Tại ngày 29/10, P/E trượt ở mức 10.0x, dưới −2SD (10.7x) và thấp hơn 49% so với trung bình 5 năm (19.8x).

Bảng 1. Tóm tắt định giá DCF

Lãi suất chiết khấu (WACC)		Định giá FCFF (tỷ đồng)	
Lãi suất phi rủi ro	4.3%	PV dòng tiền FCFF, 2026–28F	17,036
Beta	1.0	PV giá trị cuối kỳ	110,809
Phần bù rủi ro thị trường	8.9%	Giá trị doanh nghiệp (EV)	127,845
Chi phí vốn chủ sở hữu	13.2%	Cộng: tiền mặt ròng	16,153
Chi phí nợ vay sau thuế	8.0%	**Giá trị vốn chủ sở hữu**	**143,998**
Tỷ trọng vốn CSH / nợ vay	66% / 34%	SLCP lưu hành (triệu cp)	1,885.7
WACC	**11.4%**	**Giá trị mỗi cổ phiếu (đồng)**	**76,363**
Tăng trưởng dài hạn	2.0%	Tiềm năng tăng giá so với 53,300 đồng	52.1%

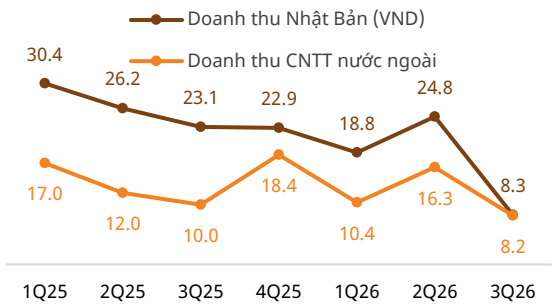
Lưu ý: giá trị cuối kỳ chiếm 86.7% EV. WACC cao hơn 0.58pp so với mức 10.85% trước đây để phản ánh rủi ro AI gây áp lực giảm giá dịch vụ CNTT. Tại giá mục tiêu, P/E của FPT là 13.4x FY26F và 11.7x FY27F.
Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research dự phóng

Hình 1. Doanh thu CNTT nước ngoài theo thị trường



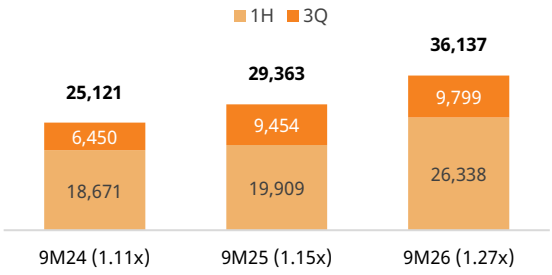
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 2. Tăng trưởng Nhật Bản, CNTT nước ngoài (%)



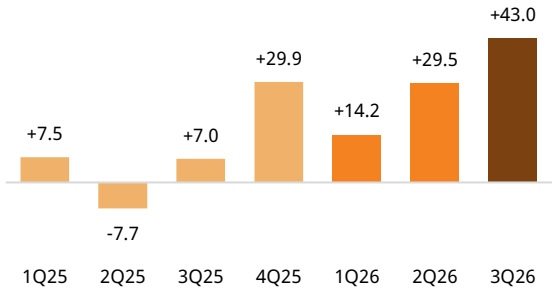
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 3. Doanh thu ký mới CNTT nước ngoài (tỷ đồng)



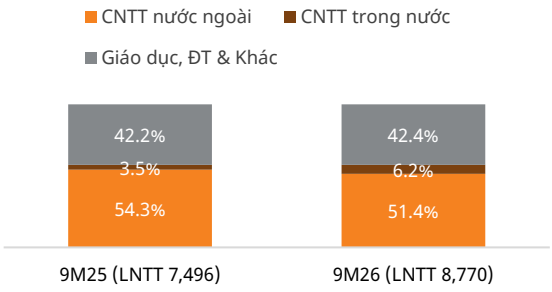
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research (x = book-to-bill)

Hình 4. Tăng trưởng doanh thu CNTT trong nước (%)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 5. Tỷ trọng LNTT 9M theo mảng (%)



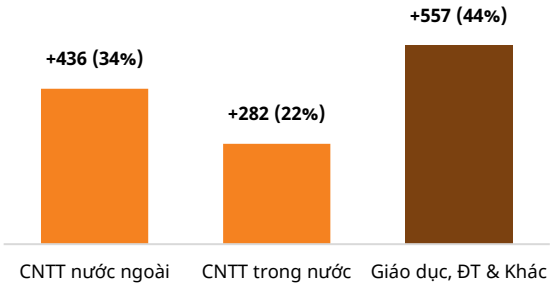
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 6. P/E trượt của FPT, dải 5 năm (x)



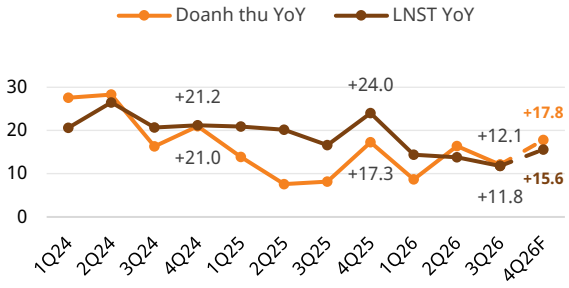
Nguồn: FiinPro-X, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 7. Mức tăng LNTT 9M26 theo mảng (tỷ đồng; %)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 8. Tăng trưởng doanh thu và LNST (YoY, %)



Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research (4Q26F: dự phóng)

CTCP FPT (HOSE: FPT)

Báo cáo kết quả kinh doanh (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu	62,849	70,208	57,704	66,071
Giá vốn hàng bán	39,150	44,217	39,092	44,854
Lợi nhuận gộp	23,698	25,990	18,612	21,217
Chi phí SG&A	13,190	14,912	10,214	11,562
Lợi nhuận HĐSXKD (điều chỉnh)	10,508	11,079	8,398	9,654
Lợi nhuận HĐSXKD	10,508	11,079	8,398	9,654
Lợi nhuận ngoài HĐSXKD	561	2,055	3,778	4,283
Thu nhập tài chính	1,936	2,977	2,153	2,384
Chi phí tài chính	1,812	1,672	1,329	1,441
Lợi nhuận tài chính	124	1,305	824	943
Lợi nhuận khác	45	92	95	109
Lãi từ công ty liên kết	393	658	2,859	3,231
Lợi nhuận trước thuế	**11,070**	**13,134**	**12,177**	**13,937**
Thuế TNDN	1,642	1,813	1,398	1,606
LN từ hoạt động thường xuyên	11,070	13,134	12,177	13,937
LN từ hoạt động không thường xuyên	-	1	-	-
Lợi nhuận sau thuế	**9,427**	**11,320**	**10,779**	**12,331**
Cổ đông công ty mẹ	7,857	9,464	10,779	12,331
Cổ đông thiểu số	1,571	1,856	-	-
EBITDA	13,044	13,978	11,302	12,911
Biên LN gộp (%)	37.7	37.0	32.3	32.1
Biên EBITDA (%)	20.8	19.9	19.6	19.5
Biên LNHĐ (%)	16.7	15.8	14.6	14.6
Biên LN ròng (%)	15.0	16.1	18.7	18.7

Bảng cân đối kế toán (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026F	2027F
Tài sản ngắn hạn	45,536	58,103	51,704	55,585
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,540	8,783	10,632
Khoản phải thu	9,917	12,147	8,583	9,913
Hàng tồn kho	1,857	2,167	1,737	2,005
Tài sản ngắn hạn khác	24,446	33,248	32,601	33,034
Tài sản dài hạn	26,464	29,987	39,441	45,207
Tài sản cố định ròng	12,775	15,386	16,804	18,643
Tài sản dở dang	2,560	1,605	1,990	2,278
Tài sản vô hình	2,040	1,943	1,844	1,744
Tài sản dài hạn khác	9,088	11,052	18,794	22,532
Tổng tài sản	72,000	88,090	91,144	100,792
Nợ ngắn hạn	**34,836**	**41,553**	**38,545**	**41,258**
Khoản phải trả	4,424	3,837	3,534	4,055
Vay ngắn hạn	14,446	19,170	19,598	20,089
Nợ ngắn hạn khác	15,966	18,546	15,412	17,114
Nợ dài hạn	**1,436**	**2,785**	**2,785**	**2,785**
Vay dài hạn	501	1,904	1,904	1,904
Nợ dài hạn khác	935	882	882	882
Tổng nợ	36,272	44,338	41,331	44,043
Vốn góp chủ sở hữu	14,711	17,035	17,035	17,035
Lợi nhuận giữ lại	11,031	14,324	20,148	26,810
Các khoản góp vốn khác	4,003	5,077	5,316	5,589
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	7,265	7,265
Vốn chủ sở hữu	35,678	43,702	49,764	56,699

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tóm tắt)

(Tỷ VND)	2024	2025	2026F	2027F
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	11,696	10,083	7,976	7,597
Lợi nhuận sau thuế	9,860	10,792	10,779	12,331
Trích lập dự phòng	1,149	630	-	-
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-2,859	-3,231
Khấu hao	2,535	2,900	2,904	3,257
Chi phí lãi vay thuần	-56	-3	-	-
Thay đổi vốn lưu động	-1,793	-4,236	-2,848	-4,760
Tăng/giảm phải thu	-1,914	-2,814	3,564	-1,330
Tăng/giảm tồn kho	-265	-308	430	-268
Tăng/giảm phải trả	2,876	2,571	-1,091	677
Những điều chỉnh khác	-2,489	-3,684	-5,751	-3,839
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-8,462	-11,660	-6,080	-1,567
Thay đổi TSCĐ hữu hình & vô hình	-3,261	-5,143	-4,615	-5,286
Thay đổi đầu tư công ty liên kết	-1,058	-687	-5,829	-
Thay đổi tài sản tài chính	-5,673	-7,830	-	-
Cổ tức & lãi đã nhận	1,530	2,001	3,683	4,174
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-2,198	2,801	-3,654	-4,180
Tăng/giảm nợ vay	933	6,180	429	491
Thay đổi vốn chủ sở hữu	163	1,196	-	-
Cổ tức đã trả	-3,292	-4,574	-4,083	-4,671
Khác	-2	-1	-	-
Tăng/giảm tiền	1,036	1,225	-1,758	1,850
Tiền đầu kỳ	8,279	9,315	10,540	8,783
Tiền cuối kỳ	9,315	10,540	8,783	10,632

Các chỉ số chính (Tóm tắt)

Chỉ số (%)	2024	2025	2026F	2027F
P/E (x)	15.7	15.1	13.4	11.7
P/B (x)	4.1	3.9	3.4	2.9
EV/EBIT (x)	12.1	11.5	15.2	13.2
EV/EBITDA (x)	9.8	9.1	11.3	9.9
EPS (đồng)	4,855	5,051	5,716	6,539
BPS (VND)	18,413	19,472	22,563	26,241
DPS (VND)	1,818	1,818	2,165	2,477
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	38.2	31.7	37.9	37.9
Tỷ suất cổ tức (%)	2.4	2.4	2.8	3.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.7	-17.8	14.5
Tăng trưởng EBITDA (%)	21.5	7.2	-19.1	14.2
Tăng trưởng LNHĐ (%)	24.3	5.4	-24.2	15.0
Tăng trưởng EPS (%)	4.9	4.0	13.2	14.4
Vòng quay tài sản (x)	1.0	0.9	0.6	0.7
Vòng quay khoản phải thu (x)	6.4	6.0	5.3	6.7
Vòng quay hàng tồn kho (x)	21.1	20.9	19.2	22.9
Vòng quay khoản phải trả (x)	11.1	10.7	10.6	11.8
ROA (%)	9.8	10.6	11.8	12.2
ROE (%)	28.7	28.6	27.3	26.8
ROIC (%)	24.8	20.1	13.2	14.0
Nợ phải trả/Vốn CSH (%)	121.7	121.5	97.1	89.0
Tỷ lệ thanh toán hiện hành (%)	130.7	139.8	134.1	134.7
Nợ ròng/Vốn CSH (%)	-54.2	-52.3	-39.7	-36.9
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	21.1	17.2	14.2	15.2

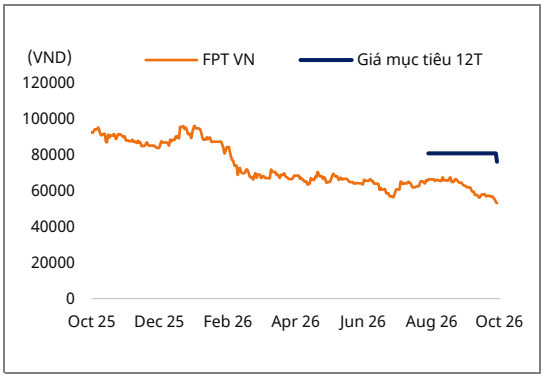
Nguồn: FPT, Mirae Asset Vietnam Research. 2026F không hợp nhất FPT Telecom (không cùng cơ sở so sánh với 2025)

PHỤ LỤC

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Công ty	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VND)
Công ty CP FPT	11/02/2026	Mua	76,363
Công ty CP FPT	8/26/2026	Mua	81,049
Công ty CP FPT	8/7/2025	Tăng Tỷ Trọng	122,410
Công ty CP FPT	4/23/2025	Mua	117,000
Công ty CP FPT	4/2/2025	Nắm Giữ	121,000
Công ty CP FPT	5/6/2024	Tăng Tỷ Trọng	117,000



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu	
Mua	Lợi nhuận kỳ vọng 12 tháng từ +20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng	Lợi nhuận kỳ vọng 12 tháng từ +10% đến +20%
Nắm Giữ	Lợi nhuận kỳ vọng 12 tháng từ -10% đến +10%
Bán	Lợi nhuận kỳ vọng 12 tháng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành	
Tích Cực	Dự kiến diễn biến tốt hơn thị trường trong 12 tháng
Trung Tính	Dự kiến diễn biến tương đương thị trường trong 12 tháng
Tiêu Cực	Dự kiến diễn biến kém hơn thị trường trong 12 tháng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu: Giá cổ phiếu (─), Giá mục tiêu (▬), Chưa đánh giá (■), Mua (▲), Tăng Tỷ Trọng (■), Nắm Giữ (●), Bán (♦)
* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
* Ngoài các khuyến nghị chính thức của Chứng Khoán Mirae Asset, chuyên viên phân tích có thể đưa ra các cơ hội giao dịch khi phát sinh các diễn biến kỹ thuật hoặc thông tin trọng yếu ngắn hạn.
* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng về lợi nhuận trong tương lai.
* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Phân bổ khuyến nghị và dịch vụ ngân hàng đầu tư

	Mua	Tăng Tỷ Trọng	Nắm Giữ	Bán
Phân bổ khuyến nghị	74.13%	15.92%	9.95%	0.00%
Dịch vụ ngân hàng đầu tư	75.00%	11.11%	13.89%	0.00%

* Dựa trên các khuyến nghị trong 12 tháng gần nhất (tính đến 31/12/2020)

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt nào liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo phản ánh đúng quan điểm cá nhân về các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự các nhân viên khác trong công ty, chuyên viên phân tích nhận thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của chuyên viên phân tích hoặc của Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước đó.
Đối tượng tiếp nhận của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có hiểu biết đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán; không cá nhân nào mà việc tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định nào, hoặc khiến MAS và các chi nhánh phải chịu các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép tại bất kỳ khu vực tài phán nào, được phép nhận hoặc sử dụng thông tin trong báo cáo.
Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không phải và không được hiểu là lời đề nghị hoặc lời mời chào thực hiện giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ cá nhân nào và người nhận không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo không tính đến mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của từng khách hàng, và không được dùng thay thế cho việc đưa ra phán đoán độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu tính đến ngày phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập cùng thu nhập từ chúng có thể giảm hoặc tăng, và nhà đầu tư có thể chịu lỗ. Hiệu suất trong quá khứ không đại diện cho kết quả tương lai; lợi nhuận tương lai không được đảm bảo và có thể mất vốn gốc. MAS, các chi nhánh cùng giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.
MAS có thể đã phát hành các báo cáo khác không nhất quán hoặc có kết luận khác với báo cáo này, phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các chuyên viên thực hiện. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không nhất quán với quan điểm trong báo cáo này. MAS, các chi

nhánh cùng giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý có thể nắm giữ vị thế mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào được đề cập vào bất kỳ thời điểm nào, và có thể mua hoặc bán, hoặc chào mua hoặc chào bán các chứng khoán hoặc công cụ tài chính đó, với tư cách bên chính hoặc đại lý. MAS và các chi nhánh có thể đã hoặc dự kiến thiết lập quan hệ kinh doanh với doanh nghiệp chủ thể để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
Không phần nào của tài liệu này được phép sao chép, tái bản, phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hay một phần, dưới bất kỳ hình thức nào nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)
One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.
Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.
41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Securities (USA) Inc.
810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.
555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM
Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia
Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.
6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC
7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC
#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd
2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Beijing Representative Office
2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Shanghai Representative Office
38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Ho Chi Minh Representative Office
7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited
Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,
Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336